



Phụ lục III

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CHI PHÍ XÂY DỰNG

(Kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

1. Chi phí xây dựng trong dự toán xây dựng công trình được xác định cho công trình, hạng mục công trình của dự án; công trình, hạng mục công trình xây dựng tạm, phụ trợ phục vụ thi công; phá dỡ các công trình xây dựng không thuộc phạm vi của công tác phá dỡ giải phóng mặt bằng (nếu có).

Các khoản mục chi phí của dự toán chi phí xây dựng gồm chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng, chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công.

Bảng 3.1: TỔNG HỢP CHI PHÍ XÂY DỰNG

Dự án:.....

Công trình:.....

Đơn vị tính:...

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
	Chi phí xây dựng				G_{XD}
1	Chi phí xây dựng của công trình thuộc dự án				
2	Chi phí xây dựng công trình, hạng mục công trình tạm, phụ trợ phục vụ thi công thuộc công trình:				
2.1	Kho bãi chứa vật liệu (nếu có)				
2.2	Nhà bao che cho máy (nếu có)				
...					
3	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công				
4	Chi phí phá dỡ (nếu có)				

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

NGƯỜI CHỦ TRÌ
(Ký, họ tên)

2. Chi phí trực tiếp:

Chi phí trực tiếp gồm: chi phí vật liệu (kể cả vật liệu do chủ đầu tư cấp), chi phí nhân công, chi phí máy và thiết bị thi công; được xác định trên cơ sở khối lượng và giá xây dựng tương ứng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định số 206/2026/NĐ-CP và các nội dung hướng dẫn sau:

2.1. Khối lượng được xác định từ thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt phù hợp với đơn vị tính của giá xây dựng tại điểm 2.2 Phụ lục này. Khối lượng xây dựng có thể được xác định trên cơ sở thông tin từ mô hình thông tin công trình (BIM), phần mềm, công cụ số hoặc kết hợp với hồ sơ thiết kế và các tài liệu kỹ thuật liên quan.

2.2. Giá xây dựng gồm: giá công tác xây dựng, giá nhóm công tác xây dựng, giá bộ phận, đơn vị kết cấu công trình hoặc suất chi phí được xác định theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 22 Nghị định số 206/2026/NĐ-CP.

2.3. Trường hợp một số hạng mục, bộ phận, kết cấu công trình hoặc nhóm công tác xây dựng thuộc công trình chưa đủ cơ sở xác định chi phí theo quy định tại điểm 2.1, điểm 2.2 khoản này thì được ước tính chi phí theo nội dung, phạm vi, tính chất của công việc. Trong quá trình triển khai thực hiện các bước tiếp theo, chủ đầu tư lập dự toán để làm cơ sở quản lý.

3. Chi phí gián tiếp:

Chi phí gián tiếp gồm chi phí chung, chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế. Chi phí gián tiếp được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) hoặc bằng cách lập dự toán, trong đó:

- Nội dung chi phí chung gồm:

+ Chi phí quản lý chung của doanh nghiệp được phân bổ cho công trình, gồm các chi phí: lương cho ban điều hành; lương cho người lao động; chi trả trợ cấp mất việc; chi phí phúc lợi; chi phí bảo trì văn phòng và các phương tiện; chi phí tiện ích văn phòng; chi phí thông tin liên lạc và đi lại; chi phí sử dụng tiện ích điện, nước; chi phí nghiên cứu và phát triển; chi phí quảng cáo; chi phí xã hội; chi phí tặng, biếu, từ thiện; chi phí thuê đất, văn phòng (nếu có); chi phí khấu hao; khấu hao chi phí nghiên cứu thử nghiệm; khấu hao chi phí phát triển; bảo hiểm; thuế, lệ phí, phí theo quy định; chi phí bảo đảm hợp đồng; một số chi phí phục vụ cho quản lý khác của doanh nghiệp;

+ Chi phí điều hành sản xuất tại công trường là toàn bộ chi phí cho bộ máy quản lý của doanh nghiệp tại công trường, gồm các chi phí: chi phí phục vụ thi công tại công trường; chi phí quản lý lao động; chi phí điện nước tại công trường; chi phí kiểm định an toàn đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; lương và phụ cấp cho cán bộ, nhân viên tại văn phòng hiện trường;

+ Chi phí đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động gồm các chi phí: chi phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, chi phí lập và thực hiện các biện pháp kỹ thuật an toàn; chi phí thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy và thiết bị thi công; các chi phí khác có liên quan đến thực hiện đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động;

+ Chi phí người sử dụng lao động trích nộp cho người lao động theo quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn nghề nghiệp, bảo hiểm khác...).

- Nội dung chi phí một số công việc không xác định được từ thiết kế gồm:

+ Chi phí an toàn lao động gồm các chi phí: chi phí thông tin, tuyên truyền về an toàn, vệ sinh lao động; chi phí trang cấp dụng cụ, phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động, chi phí cho công tác phòng, chống cháy, nổ, yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và cải thiện điều kiện lao động; chi phí tổ chức đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn lao động ...;

+ Chi phí thí nghiệm vật liệu của nhà thầu; chi phí di chuyển lực lượng lao động trong nội bộ công trường; chi phí bơm nước, vét bùn không thường xuyên.

3.1. Chi phí chung:

3.1.1. Giai đoạn lập tổng mức đầu tư xây dựng: Chi phí chung được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) chi phí chung trong giai đoạn tổng mức đầu tư tại Bảng 3.2 Phụ lục này nhân với chi phí trực tiếp của từng công trình thuộc dự án.

Bảng 3.2: ĐỊNH MỨC CHI PHÍ CHUNG TRONG GIAI ĐOẠN LẬP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Đơn vị tính: %

TT	Loại công trình ¹ thuộc dự án	Tỷ lệ (%)
1	Công trình dân dụng	7,3
	Riêng công trình tu bổ, phục hồi di tích lịch sử, văn hoá	11,6
2	Công trình công nghiệp	6,2
	Riêng công trình xây dựng đường hầm thủy điện, hầm lò	7,3
3	Công trình giao thông	6,2
	Riêng công trình hầm giao thông	7,3
4	Công trình nông nghiệp và môi trường	6,1
	Riêng công trình đường hầm	7,3
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	5,5

¹ Loại công trình được phân loại theo quy định của Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

3.1.2. Giai đoạn lập dự toán xây dựng

a) Chi phí chung được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) trong giai đoạn lập dự toán xây dựng tại Bảng 3.3 Phụ lục này nhân với chi phí trực tiếp trong dự toán xây dựng.

Bảng 3.3: ĐỊNH MỨC CHI PHÍ CHUNG TÍNH TRONG GIAI ĐOẠN LẬP DỰ TOÁN XÂY DỰNG

Đơn vị tính: %

TT	Loại công trình ² thuộc dự án	Chi phí xây dựng trước thuế của từng công trình trong tổng mức đầu tư của dự án được duyệt (tỷ đồng)							
		≤ 40	≤ 60	≤ 100	≤ 300	≤ 500	≤ 750	≤ 1000	> 1000
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]
1	Công trình dân dụng	7,3	7,1	6,7	6,5	6,2	6,1	6,0	5,8
	Riêng công trình tu bổ, phục hồi di tích lịch sử, văn hoá	11,6	11,1	10,3	10,1	9,9	9,8	9,6	9,4
2	Công trình công nghiệp	6,2	6,0	5,6	5,3	5,1	5,0	4,9	4,6
	Riêng công trình xây dựng đường hầm thủy điện, hầm lò	7,3	7,2	7,1	6,9	6,7	6,6	6,5	6,4
3	Công trình giao thông	6,2	6,0	5,6	5,3	5,1	5,0	4,9	4,6
	Riêng công trình hầm giao thông	7,3	7,2	7,1	6,9	6,7	6,6	6,5	6,4
4	Công trình nông nghiệp và môi trường	6,1	5,9	5,5	5,3	5,1	5,0	4,8	4,6
	Riêng công trình đường hầm	7,3	7,2	7,1	6,9	6,7	6,6	6,5	6,4
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	5,5	5,3	5,0	4,8	4,5	4,4	4,3	4,0

b) Đối với dự án được phân chia thành các dự án thành phần, dự án thành phần độc lập thì định mức tỷ lệ phần trăm (%) chi phí chung được xác định theo chi phí xây dựng trước thuế của từng công trình trong tổng mức đầu tư của dự án thành phần, dự án thành phần độc lập được duyệt hướng dẫn tại Bảng 3.3 Phụ lục này.

c) Đối với dự án, công trình khẩn cấp, cấp bách và dự án đầu tư công đặc biệt trong giai đoạn lập dự toán để đáp ứng yêu cầu triển khai thi công song song, đồng thời, định mức tỷ lệ phần trăm (%) chi phí chung được tạm tính theo hướng dẫn tại

² Loại công trình được phân loại theo quy định của Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

Bảng 3.2 Phụ lục này và chuẩn xác lại theo hướng dẫn tại Bảng 3.3 khi hoàn thiện hồ sơ hoàn thành công trình sau khi kết thúc thi công xây dựng công trình.

d) Đối với dự án quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp, sử dụng công nghệ mới chưa phổ biến ở Việt Nam đấu thầu quốc tế thì chi phí chung được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) theo quy định tại Thông tư này và bổ sung các chi phí cần thiết phù hợp với thông lệ quốc tế theo yêu cầu dự án.

đ) Đối với dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật thì định mức tỷ lệ chi phí chung trong dự toán xây dựng được xác định theo quy định tại cột [3] Bảng 3.3 tương ứng với từng công trình.

e) Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng công trình phải tự tổ chức khai thác và sản xuất các loại vật liệu đất, đá, cát sỏi để phục vụ thi công xây dựng công trình thì chi phí chung trong dự toán chi phí khai thác và sản xuất vật liệu xác định bằng tỷ lệ 2,5% trên chi phí nhân công và chi phí máy thi công.

3.1.3. Xác định chi phí chung theo chi phí nhân công

Chi phí chung được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) trên chi phí nhân công trong chi phí trực tiếp theo hướng dẫn tại Bảng 3.4 Phụ lục này.

**Bảng 3.4: ĐỊNH MỨC CHI PHÍ CHUNG TÍNH TRÊN
CHI PHÍ NHÂN CÔNG**

Đơn vị tính: %

STT	Nội dung	Chi phí nhân công trong chi phí trực tiếp của dự toán xây dựng, lắp đặt của công trình (tỷ đồng)			
		≤ 15	≤ 50	≤ 100	> 100
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Bảo dưỡng đường bộ, đường sắt, hệ thống báo hiệu hàng hải	66	63	60	56
2	Công trình nông nghiệp và môi trường thực hiện hoàn toàn bằng thủ công	51	48	45	42
3	Lắp đặt thiết bị công nghệ trong các công trình xây dựng; xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp; thí nghiệm hiệu chỉnh điện đường dây và trạm biến áp.	65	62	59	55

3.1.4. Đối với các công trình xây dựng tại vùng núi, biên giới, trên biển và hải đảo thì định mức tỷ lệ chi phí chung quy định tại Bảng 3.2, Bảng 3.3 và Bảng 3.4 Phụ lục này được điều chỉnh với hệ số 1,1.

3.1.5. Trường hợp xác định bằng định mức theo quy định tại tiết 3.1.1, tiết 3.1.2, tiết 3.1.3 Phụ lục này không phù hợp, được xác định bằng dự toán trên cơ

sở nội dung chi phí chung quy định tại khoản 3 Phụ lục này.

3.2. Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế

3.2.1. Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) tại Bảng 3.5 nhân với chi phí trực tiếp trong dự toán xây dựng.

**Bảng 3.5: ĐỊNH MỨC CHI PHÍ MỘT SỐ CÔNG VIỆC
KHÔNG XÁC ĐỊNH ĐƯỢC KHỐI LƯỢNG TỪ THIẾT KẾ**

Đơn vị tính: %

STT	Loại công trình	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]
1	Công trình dân dụng	2,5
2	Công trình công nghiệp	2,0
	Riêng công tác xây dựng trong đường hầm thủy điện, hầm lò	6,5
3	Công trình giao thông	2,0
	Riêng công tác xây dựng trong đường hầm giao thông	6,5
4	Công trình nông nghiệp và môi trường	2,0
	Riêng công tác xây dựng trong đường hầm	6,5
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	2,0

3.2.2. Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) tại Bảng 3.5 nêu trên chưa bao gồm các chi phí trong các trường hợp sau:

a) Đối với công trình có chi phí trực tiếp trong dự toán xây dựng dưới 45 (tỷ đồng), thì định mức chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế quy định tại Bảng 3.5 nêu trên chưa bao gồm chi phí văn phòng phòng thí nghiệm tại hiện trường.

b) Riêng chi phí một số công việc thuộc chi phí gián tiếp của các công tác xây dựng trong hầm giao thông, hầm thủy điện, hầm lò đã bao gồm chi phí vận hành, chi phí sửa chữa thường xuyên hệ thống cấp nước, thoát nước, cấp gió (nhưng không bao gồm chi phí vận hành, chi phí sửa chữa thường xuyên hệ thống cấp gió cục bộ của các công tác thi công trong mỏ than hầm lò), cấp điện phục vụ thi công trong hầm và không bao gồm chi phí đầu tư ban đầu cho hệ thống thông gió, chiếu sáng, hệ thống điện, cấp thoát nước, giao thông phục vụ thi công trong hầm.

c) Đối với công trình xây dựng thủy điện, thủy lợi thì định mức tỷ lệ trên không bao gồm các chi phí:

- Chi phí đầu tư ban đầu hệ thống nước kỹ thuật để thi công công trình;
- Chi phí đầu tư ban đầu cho công tác bơm nước, vét bùn, bơm thoát nước hồ móng ngay sau khi ngăn sông, chống lũ, hệ thống điện phục vụ thi công;
- Chi phí bơm thoát nước hồ móng ngay sau khi ngăn sông, chống lũ;
- Chi phí thí nghiệm tăng thêm của thí nghiệm thi công bê tông đầm lăn (RCC).

3.2.3. Trường hợp cần thiết bổ sung các chi phí chưa được tính tại tiết 3.2.2 nêu trên, thì các chi phí này được tính vào chi phí xây dựng công trình tạm, phụ trợ thi công của dự toán xây dựng công trình.

4. Thu nhập chịu thuế tính trước

Thu nhập chịu thuế tính trước được tính bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) tại Bảng 3.6 Phụ lục này nhân chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

Bảng 3.6: ĐỊNH MỨC THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC

Đơn vị tính: %

STT	Loại công trình	Thu nhập chịu thuế tính trước
1	Công trình dân dụng	5,5
2	Công trình công nghiệp	6,0
3	Công trình giao thông	6,0
4	Công trình nông nghiệp và môi trường	5,5
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	5,5
6	Dự toán lắp đặt thiết bị công nghệ trong các công trình xây dựng; xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp; thí nghiệm hiệu chỉnh điện đường dây và trạm biến áp.	6,0

Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng công trình phải tự tổ chức khai thác và sản xuất các loại vật liệu đất, đá, cát sỏi để phục vụ thi công xây dựng công trình thì thu nhập chịu thuế tính trước trong dự toán chi phí khai thác và sản xuất vật liệu xác định bằng tỷ lệ 3% trên chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

Đối với công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng phục vụ quốc phòng, an ninh thì tùy theo loại công trình tương ứng để áp dụng quy định Bảng 3.6 Phụ lục này cho phù hợp.

5. Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công

Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) theo quy định hoặc lập dự toán, trong đó:

5.1. Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) tại Bảng 3.7 Phụ lục này nhân với chi phí xây dựng.

Bảng 3.7: ĐỊNH MỨC CHI PHÍ NHÀ TẠM ĐỂ Ở VÀ ĐIỀU HÀNH THI CÔNG

Đơn vị tính: %

STT	Loại công trình	Chi phí xây dựng trước thuế trong tổng mức đầu tư của dự án được duyệt (tỷ đồng)				
		≤ 15	≤ 100	≤ 500	≤ 1000	> 1000
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]
1	Công trình xây dựng theo tuyến	2,2	2,0	1,9	1,8	1,7
2	Công trình xây dựng còn lại	1,1	1,0	0,95	0,9	0,85

- Đối với dự án được phân chia thành các dự án thành phần, dự án thành phần độc lập thì định mức tỷ lệ phần trăm (%) chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công được xác định theo chi phí xây dựng trước thuế trong tổng mức đầu tư của dự án thành phần, dự án thành phần độc lập được duyệt hướng dẫn tại Bảng 3.7 Phụ lục này.

- Đối với các trường hợp đặc biệt khác (như công trình có quy mô lớn, phức tạp, các công trình trên biển, ngoài hải đảo,...) nếu khoản mục chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công tính theo tỷ lệ phần trăm (%) Bảng 3.7 không phù hợp thì chủ đầu tư căn cứ điều kiện thực tế tổ chức xây dựng phương án nhà tạm để ở và điều hành thi công, lập và phê duyệt dự toán chi phí này.

5.2. Dự toán chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công lập theo thiết kế xây dựng được xác định như dự toán chi phí xây dựng (không tính chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công). Định mức tỷ lệ chi phí chung, chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế, thu nhập chịu thuế tính trước áp dụng theo loại công trình dân dụng.

6. Tổng hợp dự toán chi phí xây dựng

6.1. Dự toán chi phí xây dựng công trình, hạng mục công trình tính theo khối lượng và giá xây dựng như hướng dẫn tại điểm 2.1, điểm 2.2 Phụ lục này được tổng hợp theo Bảng 3.8 dưới đây.

Bảng 3.8: TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG

Dự án:.....

Công trình:.....

Đơn vị tính:...

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
I	Chi phí trực tiếp	$VL + NC + M$		T
1	Chi phí vật liệu	$\sum_{j=1}^n Q_j \times D_j^{vl}$		VL
2	Chi phí nhân công	$\sum_{j=1}^m Q_j \times D_j^{nc} \times K_{nc}$		NC
3	Chi phí máy và thiết bị thi công	$\sum_{j=1}^l Q_j \times D_j^m \times K_m$		M
II	Chi phí gián tiếp	C + TT		GT
1	Chi phí chung	T x Tỷ lệ (NC x Tỷ lệ)		C
2	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	T x Tỷ lệ		TT
III	Thu nhập chịu thuế tính trước	(T + GT) x Tỷ lệ		TL
	Chi phí xây dựng trước thuế	(T + GT + TL)		G_{XDTT}
IV	Thuế giá trị gia tăng	$G_{XDTT} \times T^{GTGT}$		GTGT
	CHI PHÍ XÂY DỰNG SAU THUẾ	$G_{XDTT} + GTGT$		
V	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	$G_{XDTT} \times \text{Tỷ lệ} \times T^{GTGT}$		LT

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

NGƯỜI CHỦ TRÌ
(Ký, họ tên)

Trong đó:

a) Chi phí trực tiếp:

- Q_j : Khối lượng của công tác xây dựng, nhóm công tác xây dựng, bộ phận, đơn vị kết cấu thứ j của công trình;

- D_j^{vl} , D_j^{nc} , D_j^m : chi phí vật liệu, nhân công, máy và thiết bị thi công trong giá công tác xây dựng, giá nhóm công tác xây dựng, giá bộ phận, đơn vị kết cấu công trình đối với công tác xây dựng thứ j. Trường hợp sử dụng giá công tác xây dựng, giá nhóm công tác xây dựng, giá bộ phận, đơn vị kết cấu công trình được xác định trên cơ sở báo giá của đơn vị thi công, nhà sản xuất, nhà cung cấp, giá được công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, theo giá tương tự ở các công trình đã thực hiện hoặc đang thực hiện mà không phân tách các thành phần chi phí vật liệu, nhân công, máy và thiết bị thi công thì được tính gộp vào chi phí vật liệu trong chi phí trực tiếp;

- K_{nc} : hệ số nhân công làm đêm, ngày nghỉ theo quy định, lễ, Tết (nếu có) và được xác định như sau:

$K_{nc} = 1 + \text{tỷ lệ khối lượng công việc phải làm đêm, ngày nghỉ theo quy định, lễ, Tết (nếu có)} \times \text{tỷ lệ \%}$ (đơn giá nhân công của công việc làm việc vào ban đêm, ngày nghỉ theo quy định, lễ, Tết).

- K_m : hệ số máy thi công làm đêm, ngày nghỉ theo quy định, lễ, Tết (nếu có) và được xác định như sau:

$$K_m = 1 + g \times (K_{nc} - 1)$$

Trong đó: g là tỷ lệ tiền lương bình quân trong giá ca máy.

Khối lượng công việc phải làm đêm, ngày nghỉ theo quy định, lễ, Tết được xác định theo yêu cầu tiến độ thi công xây dựng của công trình và được chủ đầu tư thống nhất.

b) Chi phí gián tiếp xác định theo hướng dẫn tại khoản 3 phụ lục này

- C: chi phí chung;

- TT: chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế;

c) TL: thu nhập chịu thuế tính trước xác định theo hướng dẫn tại khoản 4 phụ lục này;

d) G_{XDTT} : chi phí xây dựng công trình, hạng mục công trình, bộ phận, phần việc, công tác trước thuế;

đ) T^{GTGT} : mức thuế suất thuế GTGT quy định cho công tác xây dựng;

e) G_{XD} : chi phí xây dựng sau thuế

g) LT: chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công xác định theo hướng dẫn tại khoản 5 phụ lục này.

6.2. Trường hợp một số công việc, bộ phận, hạng mục công trình có yêu cầu thiết kế riêng hoặc sử dụng công nghệ, biện pháp thi công đặc thù, chỉ có một hoặc một số đơn vị có đủ năng lực thực hiện từ sản xuất, cung cấp đến thi công, lắp đặt hoàn thiện và được xác định chi phí xây dựng trên cơ sở báo giá trọn gói của các đơn vị đó, phù hợp với hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và các yêu cầu liên quan khác của công trình, hạng mục công trình, thì chi phí xây dựng đối với các công việc, bộ phận, hạng mục công trình này được tổng hợp tại Bảng 3.9 dưới đây.

Bảng 3.9: TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG

Dự án:.....

Công trình:.....

Đơn vị tính:...

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
I	Chi phí trực tiếp			T
II	Chi phí gián tiếp	C + TT		GT
1	Chi phí chung	$T \times \text{Tỷ lệ} \times 50\%$		C
2	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	$T \times \text{Tỷ lệ} \times 50\%$		TT
III	Thu nhập chịu thuế tính trước	$(T + GT) \times \text{Tỷ lệ} \times 50\%$		TL
	Chi phí xây dựng trước thuế	$(T + GT + TL)$		G_{XDTT}
IV	Thuế giá trị gia tăng	$G_{XDTT} \times T^{GTGT}$		GTGT
	CHI PHÍ XÂY DỰNG SAU THUẾ	$G_{XDTT} + GTGT$		
V	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	$G_{XDTT} \times \text{Tỷ lệ} \times T^{GTGT}$		LT

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

NGƯỜI CHỦ TRÌ
(Ký, họ tên)

Trong đó:

a) Chi phí trực tiếp được xác định theo báo giá của đơn vị có đủ năng lực thực hiện trọn gói từ sản xuất, cung cấp đến thi công, lắp đặt hoàn thiện đối với công trình,

hạng mục công trình có yêu cầu thiết kế riêng hoặc sử dụng công nghệ, biện pháp thi công đặc thù;

b) Chi phí gián tiếp xác định bằng 50% chi phí gián tiếp theo hướng dẫn tại khoản 3 Phụ lục này.

- C: chi phí chung;

- TT: chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế;

c) TL: thu nhập chịu thuế tính trước xác định bằng 50% thu nhập chịu thuế tính trước theo hướng dẫn tại khoản 4 Phụ lục này;

d) G_{XDTT} : chi phí xây dựng công trình, hạng mục công trình trước thuế;

đ) T^{GTGT} : mức thuế suất thuế GTGT theo quy định;

e) G_{XD} : chi phí xây dựng sau thuế;

g) LT: chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công xác định theo hướng dẫn tại khoản 5 Phụ lục này.